

Phụ lục 1:

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
ĐẠI HỌC KHÓA 8 (2012 - 2016) ĐỢT 2 THÁNG 12 NĂM 2016
Ngành: Bảo hiểm

(Kèm theo Quyết định số 2557 /QĐ - ĐHLĐXH, ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	0101081044	Đoàn Thị Linh	Nữ	Đ8.BH1	23/11/1994	Hà Nội	6.34	Trung bình khá	
2	0101081046	Nguyễn Thị Hải Ly	Nữ	Đ8.BH1	11/11/1994	Thái Nguyên	6.40	Trung bình khá	
3	0101081056	Phạm Minh Huyền Nhung	Nữ	Đ8.BH1	20/01/1994	Hải Dương	6.30	Trung bình khá	
4	0101081061	Toàn Thu Quỳnh	Nữ	Đ8.BH1	25/10/1994	Lạng Sơn	6.40	Trung bình khá	
5	0101081069	Bùi Thị Thanh Thủy	Nữ	Đ8.BH1	17/11/1994	Hà Nội	7.27	Khá	
6	0101081070	Dương Thị Thu Thủy	Nữ	Đ8.BH1	27/06/1994	Hà Nội	6.57	Trung bình khá	
7	0101081077	Đào Thị Thùy Trang	Nữ	Đ8.BH1	20/08/1992	Hung Yên	6.83	Trung bình khá	
8	0101081084	Trần Thị Anh	Nữ	Đ8.BH2	26/09/1994	Nam Định	6.76	Trung bình khá	
9	0101081116	Đinh Ngọc Nhu	Nam	Đ8.BH2	17/10/1993	Tuyên Quang	6.30	Trung bình khá	
10	0101071254	Nguyễn Thu Phương	Nữ	Đ8.BH2	17/09/1993	Hà Nội	6.53	Trung bình khá	
11	0101081123	Nông Tú Phương	Nữ	Đ8.BH2	20/10/1993	Cao Bằng	6.37	Trung bình khá	
12	0101081124	Nguyễn Thị Phương	Nữ	Đ8.BH2	28/04/1994	Vĩnh Phúc	6.43	Trung bình khá	
13	0101081151	Đỗ Việt Cường	Nam	Đ8.BH3	27/04/1994	Lai Châu	6.21	Trung bình khá	
14	0101081158	Phạm Quang Huy	Nam	Đ8.BH3	18/09/1991	Ninh Bình	5.92	Trung bình	
15	0101081162	Lê Duy Linh	Nam	Đ8.BH3	02/10/1994	Thanh Hoá	6.47	Trung bình khá	
16	0101081176	Nguyễn Thị Phương	Nữ	Đ8.BH3	17/11/1994	Quảng Ninh	6.56	Trung bình khá	
17	0101081181	Triệu Thị Thương	Nữ	Đ8.BH3	18/05/1994	Cao Bằng	6.32	Trung bình khá	
18	0101081195	Phạm Minh Tùng	Nam	Đ8.BH3	20/04/1994	Liên Bang Nga	6.44	Trung bình khá	
19	0101081202	Nguyễn Thị Thảo Anh	Nữ	Đ8.BH4	04/10/1994	Vĩnh Phúc	6.20	Trung bình khá	
20	0101081223	Đinh Thanh Huyền	Nữ	Đ8.BH4	29/06/1993	Lào Cai	6.46	Trung bình khá	
21	0101081221	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	Đ8.BH4	09/11/1994	Hà Nội	6.42	Trung bình khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
22	0101081227	Ngô Khánh Linh	Nữ	Đ8.BH4	27/02/1994	Nam Định	6.62	Trung bình khá	
23	0101081230	Phùng Khánh Linh	Nữ	Đ8.BH4	22/09/1994	Tuyên Quang	6.48	Trung bình khá	
24	0101081225	Dinh Quý Lộc	Nam	Đ8.BH4	10/04/1994	Hà Nội	6.37	Trung bình khá	
25	0101081243	Đào Thị Phương	Nữ	Đ8.BH4	24/02/1994	Hưng Yên	6.37	Trung bình khá	
26	0101081244	Nguyễn Thị Phương	Nữ	Đ8.BH4	17/04/1994	Nam Định	6.25	Trung bình khá	
27	0101081245	Bùi Mạnh Quân	Nam	Đ8.BH4	21/12/1994	Hà Nội	6.49	Trung bình khá	
28	0101081256	Nguyễn Quý Trọng	Nam	Đ8.BH4	25/10/1994	Phú Thọ	6.28	Trung bình khá	
29	0101081254	Nguyễn Mạnh Tùng	Nam	Đ8.BH4	19/08/1993	Nam Định	6.66	Trung bình khá	
30	0101071358	Trần Thị Lam Giang	Nữ	Đ8.BH5	21/02/1990	Nghệ An	6.27	Trung bình khá	
31	0101081273	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	Đ8.BH5	26/11/1994	Thái Nguyên	7.02	Khá	
32	0101061627	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	Đ8.BH5	03/10/1992	Bắc Ninh	6.41	Trung bình khá	
33	0101081293	Võ Thị Nhi	Nữ	Đ8.BH5	19/03/1994	Nghệ An	6.56	Trung bình khá	
34	0101081305	Vũ Thị Hoài Thương	Nữ	Đ8.BH5	24/11/1994	Thanh Hoá	6.24	Trung bình khá	

Danh sách này có 34 sinh viên, trong đó xếp hạng tốt nghiệp loại:

Khá 2 sinh viên
 Trung bình khá 31 sinh viên
 Trung bình 1 sinh viên



Phụ lục 2: **DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**
ĐẠI HỌC KHÓA 8 (2012 - 2016) ĐỢT 2 THÁNG 12 NĂM 2016
Ngành: Công tác xã hội

(Kèm theo Quyết định số: 2557/QĐ - ĐHLĐXH, ngày...26...tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	0101081342	Đỗ Thị Quỳnh Hoa	Nữ	Đ8.CT1	28/08/1994	Hà Nội	6.35	Trung bình khá	
2	0101081367	Phùng Thị Thanh	Nữ	Đ8.CT1	20/04/1994	Phú Thọ	6.87	Trung bình khá	
3	0101081379	Phạm Thị Xuân	Nữ	Đ8.CT1	19/12/1994	Thanh Hoá	6.68	Trung bình khá	
4	0101081382	Nguyễn Văn An	Nam	Đ8.CT2	06/08/1992	Thanh Hoá	6.24	Trung bình khá	
5	0101081387	Nguyễn Tú Anh	Nữ	Đ8.CT2	12/10/1994	Hà Nội	7.12	Khá	
6	0101081388	Phùng Thị Bình	Nữ	Đ8.CT2	10/04/1994	Phú Thọ	6.66	Trung bình khá	
7	0101081411	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	Đ8.CT2	22/10/1994	Quảng Ninh	6.84	Trung bình khá	
8	0101081444	Nguyễn Thị Trang	Nữ	Đ8.CT2	30/01/1994	Nghệ An	7.41	Khá	
9	0101081443	Nguyễn Thu Trang	Nữ	Đ8.CT2	21/09/1994	Hà Nội	6.80	Trung bình khá	
10	0101081448	Lý Thị Xuân	Nữ	Đ8.CT2	08/06/1994	Bắc Cạn	6.68	Trung bình khá	
11	0101081454	Phạm Thị Vân Anh	Nữ	Đ8.CT3	28/04/1994	Lào Cai	6.50	Trung bình khá	
12	0101081459	Mai Văn Dũng	Nam	Đ8.CT3	24/05/1993	Ninh Bình	7.65	Khá	
13	0101081469	Nguyễn Văn Hoán	Nam	Đ8.CT3	27/01/1994	Hung Yên	6.56	Trung bình khá	
14	0101081473	Đàm Mỹ Linh	Nữ	Đ8.CT3	03/01/1994	Hà Nội	7.62	Khá	
15	0101081481	Lê Hồng Quý	Nam	Đ8.CT3	28/01/1993	Hà Nội	7.45	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
16	0101081492	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	Đ8.CT3	12/08/1994	Hà Nội	6.31	Trung bình khá	
17	0101081493	Nguyễn Ngọc Huyền Trang	Nữ	Đ8.CT3	08/09/1993	Sơn La	6.72	Trung bình khá	
18	0101081499	Nguyễn Tiến Việt	Nam	Đ8.CT3	07/07/1994	Phú Thọ	6.52	Trung bình khá	

Danh sách này có 18 sinh viên, trong đó xếp hạng tốt nghiệp loại:

Khá 5 sinh viên

Trung bình khá 13 sinh viên



Phụ lục 3: **DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**
ĐẠI HỌC KHÓA 8 (2012 - 2016) ĐỢT 2 THÁNG 12 NĂM 2016
Ngành: Kế toán

(Kèm theo Quyết định số: 255.7. /QĐ - ĐHLĐXH, ngày... 26... tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	0101080584	Phạm Thị Diễm	Nữ	Đ8.KT1	28/11/1993	Ninh Bình	6.49	Trung bình khá	
2	0101080596	Văn Thị Linh	Nữ	Đ8.KT1	31/08/1994	Thanh Hoá	6.07	Trung bình khá	
3	0101080597	Vũ Thị Quỳnh Mai	Nữ	Đ8.KT1	14/09/1994	Quảng Ninh	6.96	Trung bình khá	
4	0101080598	Nguyễn Thị Phương My	Nữ	Đ8.KT1	28/07/1994	Hải Phòng	6.64	Trung bình khá	
5	0101080617	Nguyễn Thị Thu	Nữ	Đ8.KT1	29/04/1993	Ninh Bình	6.57	Trung bình khá	
6	0101080619	Kiều Thị Hồng Thuý	Nữ	Đ8.KT1	25/02/1994	Hà Nội	6.24	Trung bình khá	
7	0101080635	Đỗ Ngọc Bích	Nữ	Đ8.KT2	19/12/1994	Hà Nội	6.51	Trung bình khá	
8	0101080633	Trịnh Thanh Bình	Nữ	Đ8.KT2	04/04/1994	Thanh Hoá	6.30	Trung bình khá	
9	0101080634	Lương Thị Bưởi	Nữ	Đ8.KT2	28/01/1994	Quảng Ninh	6.14	Trung bình khá	
10	0101080637	Phùng Thị Thuý Dung	Nữ	Đ8.KT2	08/02/1994	Thái Nguyên	6.25	Trung bình khá	
11	0101080648	Đỗ Thị Hoan	Nữ	Đ8.KT2	05/10/1994	Hà Nội	6.63	Trung bình khá	
12	0101070658	Phạm Thị Hoàn	Nữ	Đ8.KT2	25/02/1993	Ninh Bình	6.88	Trung bình khá	
13	0101080647	Tạ Thị Ánh Hồng	Nữ	Đ8.KT2	23/02/1994	Hà Nam	6.81	Trung bình khá	
14	0101080649	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	Đ8.KT2	16/03/1993	Thanh Hoá	6.27	Trung bình khá	
15	0101080651	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	Đ8.KT2	13/08/1994	Bắc Ninh	6.57	Trung bình khá	
16	0101080657	Nguyễn Thế Linh	Nam	Đ8.KT2	17/07/1994	Hà Nội	6.32	Trung bình khá	
17	0101080654	Trần Diệu Linh	Nữ	Đ8.KT2	08/06/1994	Hà Nội	6.48	Trung bình khá	
18	0101080659	Phạm Thị Loan	Nữ	Đ8.KT2	27/04/1994	Nghệ An	6.67	Trung bình khá	
19	0101080661	Trần Thị Mên	Nữ	Đ8.KT2	20/01/1994	Hà Nam	6.20	Trung bình khá	
20	0101080662	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	Đ8.KT2	06/06/1994	Thanh Hoá	6.56	Trung bình khá	
21	0101080663	Chu Hồng Ngọc	Nữ	Đ8.KT2	19/05/1994	Hà Nội	6.17	Trung bình khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
22	0101080670	Trần Thị Phương Thảo	Nữ	Đ8.KT2	27/09/1994	Hà Nam	6.54	Trung bình khá	
23	0101080673	Trịnh Thị Thu Thảo	Nữ	Đ8.KT2	18/07/1994	Lào Cai	6.6	Trung bình khá	
24	0101080680	Vũ Ngọc Mai Trang	Nữ	Đ8.KT2	19/03/1994	Thanh Hoá	6.15	Trung bình khá	
25	0101080695	Bùi Khánh Hiền	Nữ	Đ8.KT3	03/09/1993	Hà Nội	6.40	Trung bình khá	
26	0101080694	Trịnh Thị Hường	Nữ	Đ8.KT3	03/08/1994	Thanh Hoá	6.25	Trung bình khá	
27	0101060965	Đào Đặng Nhật Linh	Nam	Đ8.KT3	02/09/1991	Hà Nội	6.49	Trung bình khá	
28	0101080705	Lê Thị Thuý Linh	Nữ	Đ8.KT3	14/04/1994	Phú Thọ	6.03	Trung bình khá	
29	0101080706	Nguyễn Hoàng Linh	Nữ	Đ8.KT3	15/10/1994	Hà Nội	6.54	Trung bình khá	
30	0101080712	Bùi Thị Mai	Nữ	Đ8.KT3	06/05/1994	Nam Định	5.80	Trung bình	
31	0101080711	Dương Quỳnh Mai	Nữ	Đ8.KT3	12/09/1994	Hà Nội	5.89	Trung bình	
32	0101080714	Nguyễn Trịnh Bảo Ngân	Nữ	Đ8.KT3	06/12/1994	Thanh Hoá	6.91	Trung bình khá	
33	0101080715	Phạm Thị Hằng Ngân	Nữ	Đ8.KT3	15/01/1994	Phú Thọ	6.54	Trung bình khá	
34	0101080717	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	Đ8.KT3	12/11/1994	Hà Nam	6.36	Trung bình khá	
35	0101080720	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	Đ8.KT3	12/08/1993	Quảng Bình	6.46	Trung bình khá	
36	0101080721	Trương Phương Quỳnh	Nữ	Đ8.KT3	01/11/1994	Hà Nội	6.43	Trung bình khá	
37	0101080735	Trần Thị Trang	Nữ	Đ8.KT3	09/03/1993	Hà Nam	6.82	Trung bình khá	
38	0101080740	Đặng Phương Uyên	Nữ	Đ8.KT3	06/02/1994	Hà Nội	6.63	Trung bình khá	
39	0101080743	Nguyễn Thị Yến	Nữ	Đ8.KT3	18/08/1994	Thanh Hoá	6.35	Trung bình khá	
40	0101080749	Nguyễn Quý Cương	Nam	Đ8.KT4	18/04/1993	Quảng Ninh	6.26	Trung bình khá	
41	0101080767	Đinh Thị Mỹ Linh	Nữ	Đ8.KT4	11/02/1994	Ninh Bình	6.19	Trung bình khá	
42	0101080765	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Nữ	Đ8.KT4	01/07/1993	Hà Nội	6.48	Trung bình khá	
43	0101080766	Trần Thị Thuý Linh	Nữ	Đ8.KT4	05/09/1994	Thanh Hoá	6.27	Trung bình khá	
44	0101080770	Nguyễn Thị Phương Mai	Nữ	Đ8.KT4	15/07/1994	Hà Nội	6.44	Trung bình khá	
45	0101080773	Nguyễn Minh Ngọc	Nữ	Đ8.KT4	07/02/1994	Vĩnh Phúc	6.56	Trung bình khá	
46	0101080777	Đào Thị Nhung	Nữ	Đ8.KT4	22/02/1994	Thanh Hoá	5.83	Trung bình	
47	0101080783	Trần Thị Tâm	Nữ	Đ8.KT4	08/10/1994	Nam Định	6.07	Trung bình khá	
48	0101080791	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	Đ8.KT4	03/03/1994	Hà Nam	6.46	Trung bình khá	
49	0101080798	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	Đ8.KT4	22/12/1993	Thanh Hoá	6.72	Trung bình khá	
50	0101080800	Nguyễn Trần Khánh Chi	Nữ	Đ8.KT5	28/10/1993	Nam Định	5.94	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
51	0101080816	Lương Trung	Hoàng	Nam	Đ8.KT5	12/11/1994	Nghệ An	6.13	Trung bình khá	
52	0101080806	Lê Thị Thanh	Hương	Nữ	Đ8.KT5	01/05/1994	Bắc Giang	7.16	Khá	
53	0101080807	Trần Thị Thu	Hương	Nữ	Đ8.KT5	10/04/1994	Sơn La	6.61	Trung bình khá	
54	0101080822	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	Đ8.KT5	16/04/1994	Hà Nam	6.31	Trung bình khá	
55	0101080823	Nguyễn Thuý	Linh	Nữ	Đ8.KT5	25/11/1994	Ninh Bình	6.22	Trung bình khá	
56	0101080827	Phạm Nguyệt	Minh	Nữ	Đ8.KT5	02/07/1994	Thanh Hoá	6.11	Trung bình khá	
57	0101080830	Chu Thị	Nga	Nữ	Đ8.KT5	12/12/1994	Hà Nội	5.97	Trung bình	
58	0101080832	Hoàng Thị Kim	Nhung	Nữ	Đ8.KT5	26/12/1994	Ninh Bình	6.09	Trung bình khá	
59	0101080837	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	Đ8.KT5	05/10/1994	Thanh Hoá	6.42	Trung bình khá	
60	0101080841	Lê Thị	Thanh	Nữ	Đ8.KT5	20/02/1994	Thanh Hoá	6.86	Trung bình khá	
61	0101080851	Vũ Việt	Anh	Nam	Đ8.KT6	22/12/1994	Hà Nội	6.64	Trung bình khá	
62	0101080855	Đinh Thị	Diệp	Nữ	Đ8.KT6	01/11/1994	Nam Định	6.50	Trung bình khá	
63	0101080857	Đặng Thị	Duyên	Nữ	Đ8.KT6	17/08/1994	Thái Bình	7.79	Khá	
64	0101080866	Nguyễn Việt	Hà	Nam	Đ8.KT6	23/04/1994	Hà Nội	5.95	Trung bình	
65	0101080869	Lã Thị	Hạt	Nữ	Đ8.KT6	20/10/1993	Nam Định	6.43	Trung bình khá	
66	0101080884	Đinh Thị Hồng	Lệ	Nữ	Đ8.KT6	08/11/1994	Ninh Bình	6.48	Trung bình khá	
67	0101080887	Dương Thị	Lý	Nữ	Đ8.KT6	09/04/1994	Thanh Hoá	6.61	Trung bình khá	
68	0101080888	Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	Đ8.KT6	10/09/1994	Phú Thọ	6.61	Trung bình khá	
69	0101080892	Lương Thị	Nga	Nữ	Đ8.KT6	26/01/1994	Thái Bình	6.61	Trung bình khá	
70	0101080893	Nguyễn Thị Hằng	Nga	Nữ	Đ8.KT6	02/07/1993	Ninh Bình	6.56	Trung bình khá	
71	0101080898	Đặng Thị	Ninh	Nữ	Đ8.KT6	29/04/1993	Ninh Bình	6.64	Trung bình khá	
72	0101080902	Trần Văn	Phú	Nam	Đ8.KT6	11/03/1992	Ninh Bình	6.09	Trung bình khá	
73	0101080900	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	Đ8.KT6	25/08/1994	Hải Dương	6.38	Trung bình khá	
74	0101080909	Lê Thị Hồng	Thắm	Nữ	Đ8.KT6	22/08/1994	Hà Nam	6.32	Trung bình khá	
75	0101080907	Nguyễn Anh	Thơ	Nữ	Đ8.KT6	18/12/1993	Hà Nội	6.53	Trung bình khá	
76	0101080911	Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	Đ8.KT6	02/07/1994	Vĩnh Phúc	6.62	Trung bình khá	
77	0101080908	Đỗ Thị	Thơm	Nữ	Đ8.KT6	04/07/1994	Hà Nam	6.66	Trung bình khá	
78	0101080914	Đoàn Thị Hoài	Thu	Nữ	Đ8.KT6	21/02/1994	Hà Nội	6.18	Trung bình khá	
79	0101080912	Lê Thị Hương	Thu	Nữ	Đ8.KT6	06/09/1994	Ninh Bình	6.17	Trung bình khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
80	0101080916	Nguyễn Hà Thu	Nữ	Đ8.KT6	16/10/1994	Hà Nội	6.00	Trung bình khá	
81	0101080913	Nguyễn Thị Thu	Nữ	Đ8.KT6	28/02/1994	Thái Bình	6.41	Trung bình khá	
82	0101080920	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	Đ8.KT6	13/10/1994	Thái Bình	6.30	Trung bình khá	
83	0101080918	Nguyễn Mạnh Tùng	Nam	Đ8.KT6	15/05/1994	Vĩnh Phúc	6.36	Trung bình khá	
84	0101080906	Nguyễn Văn Trường	Nam	Đ8.KT6	01/12/1992	Hà Nội	5.89	Trung bình	
85	0101080924	Phạm Thị Vân	Nữ	Đ8.KT6	28/06/1994	Bắc Ninh	6.66	Trung bình khá	
86	0101080926	Phạm Thị Hồng Vân	Nữ	Đ8.KT6	02/09/1994	Thái Bình	6.75	Trung bình khá	
87	0101080928	Trần Thị Xuân	Nữ	Đ8.KT6	16/06/1994	Hải Dương	6.26	Trung bình khá	
88	0101080945	Phạm Thị Hoa	Nữ	Đ8.KT7	06/06/1994	Tuyên Quang	7.50	Khá	
89	0101080939	Đỗ Thị Thành Hương	Nữ	Đ8.KT7	14/01/1994	Phú Thọ	6.6	Trung bình khá	
90	0101080949	Dặng Thị Khánh Linh	Nữ	Đ8.KT7	03/11/1994	Hà Tĩnh	6.49	Trung bình khá	
91	0101080948	Lê Thuỳ Linh	Nữ	Đ8.KT7	24/02/1994	Thanh Hoá	6.77	Trung bình khá	
92	0101080952	Lê Kiều Minh	Nữ	Đ8.KT7	01/07/1993	Hà Nội	6.24	Trung bình khá	
93	0101080954	Nguyễn Bích Ngọc	Nữ	Đ8.KT7	05/10/1994	Phú Thọ	6.45	Trung bình khá	
94	0101080973	Trịnh Thanh Yến	Nữ	Đ8.KT7	09/09/1994	Phú Thọ	6.51	Trung bình khá	
95	0101080979	Nguyễn Thục Anh	Nữ	Đ8.KT8	22/12/1994	Hà Nội	6.33	Trung bình khá	
96	0101080983	Mai Thị Hằng	Nữ	Đ8.KT8	21/01/1994	Lai Châu	6.34	Trung bình khá	
97	0101080993	Nguyễn Thị Huế	Nữ	Đ8.KT8	28/09/1994	Hà Nam	6.79	Trung bình khá	
98	0101081004	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	Đ8.KT8	06/02/1994	Thanh Hoá	6.50	Trung bình khá	
99	0101081018	Bùi Phạm Thuỳ Vân	Nữ	Đ8.KT8	27/08/1994	Hải Hưng	6.34	Trung bình khá	
100	0101081019	Trương Thị Hải Yến	Nữ	Đ8.KT8	22/02/1994	Nam Định	6.24	Trung bình khá	

Danh sách này có 100 sinh viên, trong đó xếp hạng tốt nghiệp loại:

Khá 3 sinh viên
 Trung bình khá 90 sinh viên
 Trung bình 7 sinh viên



Phụ lục 4: DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
ĐẠI HỌC KHÓA 8 (2012 - 2016) ĐỢT 2 THÁNG 12 NĂM 2016
Ngành: Quản trị nhân lực

(Kèm theo Quyết định số: 2551/QĐ - ĐHLĐXH, ngày... 26... tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	0101080002	Lưu Thị Ngọc Anh	Nữ	Đ8.QL1	09/04/1994	Bắc Ninh	6.66	Trung bình khá	
2	0101080011	Hoàng Thị Dung	Nữ	Đ8.QL1	10/10/1994	Thanh Hoá	6.33	Trung bình khá	
3	0101080007	Nguyễn Phương Thùy Dương	Nữ	Đ8.QL1	13/07/1994	Hà Nội	6.34	Trung bình khá	
4	0101080017	Dương Thu Hương	Nữ	Đ8.QL1	20/04/1994	Hà Nội	7.03	Khá	
5	0101080019	Nguy Quỳnh Hương	Nữ	Đ8.QL1	12/07/1994	Lạng Sơn	6.40	Trung bình khá	
6	0101080036	Nguyễn Thị Hạnh Linh	Nữ	Đ8.QL1	02/11/1994	Hà Nội	6.42	Trung bình khá	
7	0101080041	Ninh Hiếu Ngọc	Nữ	Đ8.QL1	05/10/1994	Thanh Hoá	6.43	Trung bình khá	
8	0101060576	Nguyễn Hữu Tâm	Nam	Đ8.QL1	30/03/1992	Thanh Hoá	6.79	Trung bình khá	
9	0101080528	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ	Đ8.QL10	03/11/1994	Hoà Bình	6.43	Trung bình khá	
10	0101080553	Ninh Thị Ngọc	Nữ	Đ8.QL10	13/07/1994	Hoà Bình	6.47	Trung bình khá	
11	0101080554	Ngô Thị Kim Oanh	Nữ	Đ8.QL10	13/01/1993	Bắc Ninh	6.66	Trung bình khá	
12	0101080558	Nguyễn Ngọc Sáng	Nam	Đ8.QL10	19/08/1993	Hưng Yên	6.10	Trung bình khá	
13	0101080064	Cần Thị Ngọc Diệp	Nữ	Đ8.QL2	12/09/1994	Hà Nội	6.74	Trung bình khá	
14	0101070132	Đỗ Thị Ngọc Yến	Nữ	Đ8.QL2	19/12/1993	Hoà Bình	7.31	Khá	
15	0101080118	Vũ Ngọc Cường	Nam	Đ8.QL3	25/07/1994	Yên Bái	6.27	Trung bình khá	
16	0101080129	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	Đ8.QL3	05/04/1994	Thanh Hoá	6.76	Trung bình khá	
17	0101080130	Nguyễn Thị Hương	Nữ	Đ8.QL3	23/12/1994	Thái Nguyên	6.35	Trung bình khá	
18	0101080153	Nghiêm Thịnh Bảo Ngọc	Nữ	Đ8.QL3	18/11/1994	Ninh Bình	6.50	Trung bình khá	
19	0101080159	Đào Bích Phương	Nữ	Đ8.QL3	12/09/1994	Phú Thọ	6.03	Trung bình khá	
20	0101080187	Nguyễn Mộng Diệp	Nam	Đ8.QL4	20/01/1994	Phú Thọ	6.33	Trung bình khá	
21	0101080185	Lương Xuân Dũng	Nam	Đ8.QL4	04/04/1994	Thanh Hoá	6.39	Trung bình khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
22	0101080210	Nguyễn Hoài Phương	Nữ	Đ8.QL4	28/07/1994	Thái Bình	6.82	Trung bình khá	
23	0101080105	Phạm Thị Lan Quyên	Nữ	Đ8.QL4	18/09/1994	Quảng Ninh	6.32	Trung bình khá	
24	0101080215	Phạm Thu Thảo	Nữ	Đ8.QL4	15/06/1994	Thanh Hoá	6.84	Trung bình khá	
25	0101080217	Phạm Thị Thủy	Nữ	Đ8.QL4	22/07/1994	Hà Tĩnh	6.88	Trung bình khá	
26	0101080224	Lê Hà Trang	Nữ	Đ8.QL4	19/11/1994	Quảng Ninh	6.53	Trung bình khá	
27	0101080243	Nguyễn Thị Hương	Nữ	Đ8.QL5	22/08/1994	Hà Nam	6.85	Trung bình khá	
28	0101080273	Nguyễn Thị Ngọc Thuý	Nữ	Đ8.QL5	01/11/1994	Nam Định	6.75	Trung bình khá	
29	0101080282	Mai Thảo Yên	Nữ	Đ8.QL5	11/12/1993	Hải Dương	6.25	Trung bình khá	
30	0101080304	Bùi Vũ Linh	Nam	Đ8.QL6	15/04/1994	Tuyên Quang	6.41	Trung bình khá	
31	0101080350	Trần Đăng Đức	Nam	Đ8.QL7	08/05/1993	Bắc Giang	5.99	Trung bình	
32	0101080347	Đỗ Thuý Dương	Nữ	Đ8.QL7	30/04/1994	Thái Bình	6.56	Trung bình khá	
33	0101080365	Trịnh Hữu Huấn	Nam	Đ8.QL7	03/03/1993	Bắc Giang	6.66	Trung bình khá	
34	0101080369	Trần Thị Huyền	Nữ	Đ8.QL7	26/06/1994	Nghệ An	6.63	Trung bình khá	
35	0101080383	Vũ Thị Thuý Nga	Nữ	Đ8.QL7	15/01/1994	Ninh Bình	6.46	Trung bình khá	
36	0101080418	Lê Thị Xinh	Nữ	Đ8.QL7	22/05/1994	Thanh Hoá	6.56	Trung bình khá	
37	0101080424	Nguyễn Đức Dũng	Nam	Đ8.QL8	05/06/1994	Phú Thọ	6.04	Trung bình khá	
38	0101080426	Tạ Văn Dũng	Nam	Đ8.QL8	08/01/1993	Ninh Bình	6.25	Trung bình khá	
39	0101080440	Nguyễn Bảo Linh	Nam	Đ8.QL8	27/07/1994	Thái Bình	5.96	Trung bình	
40	0101080443	Phạm Hồng Nhung	Nữ	Đ8.QL8	31/08/1994	Quảng Ninh	7.03	Khá	
41	0101080446	Chu Hồng Quyên	Nữ	Đ8.QL8	22/10/1994	Tuyên Quang	6.65	Trung bình khá	
42	0101080445	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	Đ8.QL8	23/07/1994	Thái Bình	7.49	Khá	
43	0101080488	Nguyễn Hà Linh	Nữ	Đ8.QL9	15/04/1993	Quảng Bình	6.34	Trung bình khá	
44	0101080499	Hoàng Phương	Nam	Đ8.QL9	07/12/1992	Quảng Ninh	6.55	Trung bình khá	

Danh sách này có 44 sinh viên, trong đó xếp hạng tốt nghiệp loại:

Khá 4 sinh viên
 Trung bình khá 38 sinh viên
 Trung bình 2 sinh viên

THƯỜNG
 ĐẠI HỌC
 LAO ĐỘNG
 XÃ HỘI
 TS. Hà Xuân Hùng

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận tốt nghiệp đối với sinh viên đại học chương trình thứ hai
hệ chính quy tập trung khóa 5 (2009 – 2013) đợt 2 tháng 12 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-LĐTĐ ngày 07/9/2015 của Bộ Trưởng
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng
chính quy;

Căn cứ Quyết định số 183/QĐ-ĐHLDXH ngày 28/01/2013 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Lao động – Xã hội về việc ban hành Quy định cụ thể hóa quy
chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ biên bản họp ngày 21/12/2015 của Hội đồng xét tốt nghiệp đối với
sinh viên đại học chương trình thứ 2 hệ chính quy tập trung khóa 5;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 01 sinh viên đại học chương trình thứ 2 hệ
chính quy tập trung khóa 5 (2009 - 2013) ngành Kế toán, theo thông tin chi tiết
dưới đây:

Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp
Trịnh Thiên Thu	Nữ	Đ5.KT7	18/10/1991	Hà Nội	6.28	Trung bình khá

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng
Đào tạo, Trưởng phòng Công tác học sinh, sinh viên, Trưởng phòng Kế toán -
Tài chính, Trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên Trịnh Thiên Thu chịu
trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-LĐTĐ ngày 07/9/2015 của Bộ Trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy;

Căn cứ Quyết định số 183/QĐ-ĐHLDXH ngày 28/01/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội về việc ban hành Quy định cụ thể hóa quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp ngày 21/12/2016 của Trường Đại học Lao động – Xã hội;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 01 sinh viên liên thông từ cao đẳng nghề lên đại học hệ chính quy tập trung khóa 1 (2011 – 2014) ngành Kế toán theo thông tin chi tiết dưới đây:

TT	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp
1	Đặng Hà Thanh	Nữ	LCĐ5.KT6	20/10/1988	Thanh Hóa	6.40	Trung bình khá

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Công tác học sinh, sinh viên, Trưởng phòng Kế toán – Tài chính, Trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên Đặng Hà Thanh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu VT, P.ĐT.



HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-LĐTBXH ngày 07/9/2015 của Bộ Trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDDT ngày 26/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy;

Căn cứ Quyết định số 183/QĐ-ĐHLĐXH ngày 28/01/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội về việc ban hành Quy định cụ thể hóa quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp ngày 21/12/2016 của Trường Đại học Lao động – Xã hội;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân đại học cho 03 sinh viên hệ chính quy tập trung khóa 7 (2011 – 2015) ngành Bảo hiểm và Kế toán, trong đó:

- Ngành Bảo hiểm: 02 sinh viên;

- Ngành Kế toán: 01 sinh viên;

Có danh sách sinh viên cụ thể kèm theo./.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trường phòng Hành chính - Tổng hợp, Trường phòng Đào tạo, Trường phòng Công tác học sinh, sinh viên, Trường phòng Kế toán – Tài chính, Giám đốc cơ sở Sơn tây, Trường các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
ĐẠI HỌC KHÓA 7 (2011 - 2015) ĐỢT 4 THÁNG 12 NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số: 2560/QĐ - ĐHLĐXH, ngày: 26...tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

Ngành: Bảo hiểm

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi ch
1	0101071213	Nguyễn Kim Cúc	Nữ	Đ7.BH2	03/12/1993	Nghệ An	5.83	Trung bình	
2	0101071417	Đỗ Thị Lan Anh	Nữ	Đ7.BH5	26/08/1993	Yên Bái	6.33	Trung bình khá	

Ngành: Kế toán

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi ch
1	0101071563	Phạm Thuý Dương	Nữ	Đ7.CT1	31/07/1993	Quảng Ninh	6.72	Trung bình khá	

Danh sách này có 3 sinh viên, trong đó xếp hạng tốt nghiệp loại:
Trung bình khá 2 sinh
Trung bình 1 sinh viên


HIỆU TRƯỞNG

TS. Hà Xuân Hùng